

Phẩm 16: BỒ TÁT THUYẾT KỆ

A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Tự Thể là nhân vi diệu, thực hành-tu tập đan xen lẫn nhau, giáo pháp mẫu mực hiển bày rõ ràng, cho nên nói là Bồ-tát Thuyết Kệ.

Nghĩa còn lại cùng với phần B là Ý đưa ra và phần C là Tông thú, đều giải thích giống như trước.

D. GIẢI THÍCH VĂN: Ba nghĩa giống như trước.

Một là trong phần quy tụ chúng: Trước là cõi này, sau là tương tự nối thông. Trong phần trước: Đầu là hiển bày về nơi chốn bắt đầu đến đây, sau từ “Phật thân lực...” trở xuống là trình bày về Bồ-tát quy tụ đến. Trong phần đầu: Một, phần lượng xa gần là hiển bày về phần vị dần dần tăng lên, trước là một trăm, ở đây là mười vạn..., phạm vi giới hạn còn lại giống nhau, dựa theo như trên. Hai, chính thức hiển bày về tướng của ba thế gian ở trú xứ của mình. Thế giới cùng tên gọi là Tuệ, là bởi vì dùng Tuệ hiểu biết (Giải) trước đây làm chỗ dựa cho thực hành (Hành). Phật cùng tên gọi là Nhân, là bởi vì biểu thị cho tâm thực hành thấy pháp rõ ràng, lại biểu thị về thực hành các Độ vốn là dẫn dắt cho thế gian. Bồ-tát cùng tên gọi là Lâm, là biểu thị về thực hành hạnh của pháp giới, thành tựu đức của pháp giới. Đức cao mới là cây, Hành nhiều gọi là rừng, mười Độ tươi tốt như thế đều tu, vạn hạnh sừng sững chen kín ngậm phát, pháp so sánh tương tự cho nên gọi là rừng. Văn còn lại có thể biết.

Hai là trong phần phát ra ánh sáng, ngón chân là nơi phát ra ánh sáng, nhưng ngón chân có hai năng lực đi và đứng, phẩm trước làm sáng tỏ về Trú, phẩm này hiển bày về Hạnh, vốn là khác nhau, còn lại giải thích giống như trước.

Ba là trong phần kệ ca ngợi, kệ của mười Bồ-tát tức là mười đoạn, đầu là một kệ tổng quát nói về Sự-Lý của Hội này, sau là chín kệ riêng biệt hiển bày về phần nghĩa thuộc đức của Phật.

Thứ nhất, Đức Lâm là nêu ra người thuyết riêng biệt, bởi vì là Hội chủ cho nên thuyết đầu tiên, nương theo thân lực của Phật hiển bày về chỗ dựa thuyết kệ ca ngợi. Quán sát rộng khắp mười phương, có bốn ý: Một, Địa Luận nói: Hiển bày về không có ngã mạn, không có tâm thiên lệch. Hai, hiển bày về pháp đã thuyết giảng khắp nơi mười phương. Ba, mười phương giáo hóa như nhau. Bốn, Dạ-ma ở mười phương cùng có thuyết về pháp này, cùng lúc hợp lại rồi mới nói thuyết giảng.

Mười một bài kệ phân hai: Đầu là bảy kệ tổng quát nêu ra sự việc

trong Hội, sau là bốn kệ ca ngợi về đức tự tại của Phật.

Trong phần đầu: Đầu một kệ tụng về sự việc phát ra ánh sáng trong phẩm này, bởi vì gần cho nên hiển bày trước. Tiếp là hai kệ tụng về sự việc trong phẩm trước, trong đó trước là một kệ rưới tụng cõi này, sau là nửa kệ tụng về tương tự mười phương khác. Tiếp là ba kệ tụng về sự việc trong phẩm này, tức là tụng chung hiển bày rõ ràng khắp nơi mười phương. Tiếp là một kệ tụng về văn không rời xa cõi cây Bồ-đề mà đến cõi trời Dạ-ma..., trong loài người là mỗi một cõi Diêm-phù trước đây, đạo tràng là dưới tán cây Bồ-đề trước đây.

Trong phần sau là bốn kệ ca ngợi về đức của Phật: Một kệ đầu là ca ngợi về Đức sâu-Dụng rộng của Phật, đều hiển bày trong nửa kệ. Tiếp là hai kệ giải thích về Dụng rộng trước đây: 1- Thuận theo thế gian-rời xa thế gian, cũng đều hiển bày trong nửa kệ; 2- Một và nhiều vô ngại, nửa kệ trước nêu ra, nửa kệ sau giải thích. Đây chính là hiển bày về một thân Lô-xá-na, hiện rõ dưới tất cả các tán cây Bồ-đề. Sau cuối là một kệ giải thích về Đức sâu trước đây, cũng nửa kệ trước nêu ra, nửa kệ sau giải thích, có thể biết.

Thứ hai, tỏ ngộ về lợi ích của nhân quả, cho nên gọi là Tuệ Lâm. Mười kệ phân hai: Đầu là một kệ nêu ra Chương, đó là nửa kệ trước nêu ra đức của Phật khó gặp trình bày về gặp được đáng mừng, nửa kệ sau nêu ra chúng khó gặp hiển bày về gặp được đáng vui, Đại Nhân lia xa cấu nhiễm là Bồ-tát.

Sau là trong chín kệ giải thích: Đầu là một kệ giải thích về nguyên cơ khó gặp được chúng Bồ-tát, nửa kệ trước hiển bày về trí sáng suốt của mình, nửa kệ sau phân rõ về lợi ích thù thắng cho chúng sinh. Sau là tám kệ giải thích về nguyên cơ khó gặp được đức của Phật, trong đó: Sáu kệ đầu chính thức hiển bày về đức của Phật, hai kệ sau dựa theo hiểu biết để so sánh.

Trong sáu kệ: Kệ một trình bày về Phật là ngọn đèn phá tan bóng tối, kệ hai là sáu Độ chiếu rọi đầy đủ, kệ ba là Đức thù thắng vượt quá tình thức, kệ bốn là Dụng vắng lặng làm lợi ích cho chúng sinh, kệ năm là thấy nghe đạt được lợi ích, kệ sáu là nhân sâu quả dày.

Trong hai kệ sau là trình bày về lợi ích của hiểu biết, một kệ đầu dựa vào hướng đến cúng dường Phật để so sánh về lợi ích của hiểu biết, một kệ sau dựa vào hướng đến bố thí rộng rãi để làm sáng tỏ về tổn hại của mê lầm.

Thứ ba, do tỏ ngộ về pháp thù thắng, cho nên gọi là Thắng Lâm. Mười kệ phân hai: Đầu là bốn kệ ca ngợi về ánh sáng sâu rộng của

Phật, sau là sáu kệ trình bày về chiếu rọi lý thấy Phật.

Trong phần đầu: Hai kệ trước là nêu ra dụ, hai kệ sau là pháp thuyết.

Trong hai kệ trước có tám câu: Câu một là dụ về lúc Phật thành Phật; hai là dụ về tâm Phật không còn cấu nhiễm chướng ngại; ba là dụ về thân Phật phát ra ánh sáng thanh tịnh, nói mặt trời là dụ cho thân Phật; bốn là dụ về ánh sáng chiếu rọi khắp nơi; năm là dụ về ánh sáng rộng nhiều; sáu là dụ về không biết được giới hạn; bảy là dụ về trí hãy còn không biết; tám là dụ về hướng gì hạng ngu si.

Trong hai kệ sau là pháp thuyết: Một kệ đầu là hiển bày về ánh sáng rộng lớn, một kệ sau là hiển bày về ánh sáng rất sâu xa, bởi vì giống như pháp tánh.

Trong phần sau là sáu kệ: Đầu là ba kệ về lìa tướng, tiếp là một kệ về lìa tánh, sau cuối là hai kệ về giải thích nghi ngờ.

Trong ba kệ đầu: Một là lìa tướng ba đời; hai là lìa tướng sinh diệt, nửa kệ sau là trình bày về lợi ích của quán, các kệ sau đều dựa theo đây; ba là lìa tướng vốn có.

Tiếp là một kệ về lìa tánh, bởi vì từ duyên hư giả cho nên không có tánh, không có tánh cho nên không có gì cổi bỏ.

Tiếp là hai kệ về giải thích nghi ngờ, hiển bày về Vô sinh. Nghi ngờ rằng nếu duyên khởi không có tánh thì vì sao có sinh? Giải thích rằng bởi vì thụ động sinh, thụ động sinh tức là vọng tưởng, bởi vì vọng tưởng dựa vào duyên mà khởi cho nên gọi là thụ động sinh. Bởi vì chấp vào vọng tưởng này cho nên nói là có sinh, mà thật thì không có sinh, đây là dựa theo tánh Sở chấp.

Lại giải thích: Thụ động sinh là quả, do đối đãi với quả này mà nói là nhân chủ động sinh ra quả, đã dựa vào nơi khác không có nhân sinh ra, cũng không có đối đãi cho nên không sinh ra, đây là dựa theo tánh Duyên khởi.

Lại giải thích: Vốn nói đến có sinh là trình bày về nghĩa tùy duyên của Như Lai Tạng, bởi vì thụ động sinh là do chủ động xông ướp thường xuyên, cho nên tùy theo duyên. Chủ động xông ướp đã không thật, thụ động xông ướp không lay động, cho nên cũng không có sinh. Bởi vì chủ động xông ướp kia cũng là tâm thụ động sinh ra, cho nên gọi là thụ động sinh, đây là dựa theo tánh Viên thành. Kệ này là đối đãi với thụ động sinh làm phai mờ chủ động sinh, kệ sau tương tự chủ động loại trừ thụ động sinh, cho nên nói là quán về thụ động sinh cũng như vậy.

Thứ tư, do tin tưởng vui với lý sâu xa, không sợ nẻo ác, cho nên

gọi Vô Úy Lâm. Mười kệ phân năm:

1) Hai kệ đầu trình bày về nghe đến lợi ích tin vào pháp mà Đức Phật này đã thuyết, kệ trước là phân rõ về pháp đã nghe, xứ này là xứ Hoa Tạng này, lại là xứ mà Đức Phật này đã thuyết pháp, hai câu trước hiển bày về rộng lớn, câu tiếp phân rõ về tùy duyên, câu sau hiển bày về bất biến; một kệ sau hiển bày về nghe đến lợi ích tin vào pháp này.

2) Có hai kệ trình bày về nghe đến pháp của Phật ở phương khác có lợi ích, kệ trước trình bày về pháp đã nghe, nửa kệ đầu hiển bày về nghe nơi rộng lớn, câu tiếp là đã nghe sâu xa, câu cuối là nghe không quên; kệ sau làm sáng tỏ về lợi ích, nửa kệ trước nhắc lại pháp đã nghe trước đây, câu tiếp là dùng để cầu Phật, câu cuối trình bày về cầu nhất định đạt được, cho nên nói là cứu cánh...

3) Có hai kệ trình bày về nghe-tin vào pháp của Phật quá khứ có lợi ích, đều là nửa kệ trước nêu ra niềm tin, nửa kệ sau trình bày về lợi ích của niềm tin, có thể biết.

4) Có hai kệ, nghe-tin vào pháp của Phật hiện tại có lợi ích, trong đó câu đầu là chủ động tin, hai câu tiếp là Phật đã tin, câu cuối là pháp đã tin; kệ sau hiển bày về lợi ích, bởi vì khó được nghe. Lại giải thích: Kệ trước, nửa kệ đầu trình bày về tin vào Phật hiện tại, nửa kệ sau trình bày về lợi ích của niềm tin, nghĩa là vị ấy nhờ vào niềm tin này mà thành tựu Đẳng Chánh Giác...; kệ sau hiển bày về nghe pháp thù thắng là khó.

5) Có hai kệ, tổng quát dựa vào pháp của tất cả chư Phật trên đây để kết luận khuyến khích tu học. Trong đó: Kệ đầu là khuyến khích thọ trì-khuyến khích thuyết giảng, câu đầu là nhắc lại pháp trên đây, câu tiếp là khuyến khích thọ trì, câu tiếp là khuyến khích thuyết giảng, câu cuối là ca ngợi thù thắng để khuyến khích. Kệ sau là khuyến khích thọ trì-khuyến khích thực hành, nửa kệ trước là khuyến khích thực hành, do khuyến khích thực hành tu tập mà thành tựu hai trang nghiêm, câu tiếp là khuyến khích thọ trì cùng với trước khác nhau, trước do thọ trì cho nên có thể thuyết giảng, ở đây do thọ trì cho nên có thể thực hành, câu cuối là trình bày về lợi ích của tu hành, đó là đạt được Bồ-đề.

Thứ năm, rời xa phân biệt không có dần dần, cho nên gọi là Tàm Quý Lâm. Mười kệ phân hai: Trước là chín kệ riêng biệt ca ngợi về pháp của Phật, sau là một kệ cùng kết luận về hai phần trước.

Trong chín kệ trước: Đầu là một kệ ca ngợi về pháp mà Phật đã chứng, nửa kệ trước là pháp thù thắng, nửa kệ sau là lợi ích của niềm tin. Sau là tám kệ ca ngợi về trí chủ động chứng của Phật, có hai: Một

kệ đầu trình bày về chứng pháp đầy đủ tất cả, nửa kệ trước trình bày về tất cả chư Phật đều nói tự mình đã chứng, nửa kệ sau trình bày về tuệ chứng của một Đức Phật không có gì không cùng tận. Bảy kệ sau trình bày về Vô chứng là Chứng.

Trong đó một kệ đầu là nêu ra Chương, nửa kệ trước là Vô chứng, nửa kệ sau là Chứng. Trong nửa kệ trước có năm giải thích:

1) Dựa theo Trí để giải thích, đây chính là chứng Trí vô phân biệt, không sinh ra từ Trí phân biệt của thế gian, cũng không sinh từ ngu si và sắc pháp..., cho nên Nhiếp Luận nói: “Trí này không phải là Trí-không phải là không phải Trí, không phải là Trí thì không phải là Trí phân biệt, không phải là không phải Trí thì không phải là sắc pháp.” Trong này, không phải là Trí dựa theo ngu si.

2) Dựa theo Cảnh để giải thích, đó là Trí đã chứng lý chỉ là Liễu nhân, vốn không phải là Sinh nhân, bởi vì ngu si không có Trí, Sinh-Liễu cả hai đều không phải, cho nên đều nói là không sinh.

3) Dựa theo Cảnh-Trí đích thực thông hiểu để giải thích, đó là Trí như Cảnh cho nên không phải là Trí, Cảnh như Trí cho nên không phải là không có Trí.

4) Dựa theo Tịch-Chiếu để giải thích, đó là Trí tức là Tịch cho nên không phải là Trí, không mất đi chiếu rọi cho nên không phải là không có Trí.

5) Dựa theo bật dứt đối đãi để giải thích, đó là tướng của Trí không còn cho nên không phải là Trí, không có Trí có thể đối đãi cho nên không phải là không có Trí.

Trong nửa kệ sau, như vậy Trí là không có Trí thì mới có thể chiếu rọi pháp diệt trừ tâm tối vốn là Chứng.

Trong sáu kệ sau: Năm kệ đầu giải thích về nửa Chương trước, một kệ sau giải thích về nửa Chương sau.

Trong năm kệ đầu nửa kệ trước là nêu ra dụ, nửa kệ sau là pháp-hợp: Kệ (1) là dụ về tánh ngu-trí khác nhau; (2) là dụ về cùng thành hư vọng; (3) là dụ về hai tánh trái ngược nhau; (4) là dụ về duyên ngu-trí cách xa; (5) là dụ về Dụng không có tác thành lẫn nhau. Năm kệ này đều hiển bày về sự khác nhau giữa ngu-trí, đều không chân thật, mê-ngộ này bật dứt, tướng của Trí không còn. Một kệ sau giải thích về Dụng thù thắng của Diệu Trí, trong nửa kệ trước là nêu ra dụ, Già-đà ở Trung Hoa nói là thuốc tốt, nghĩa là có năng lực loại trừ tất cả chất độc, nửa kệ sau là pháp-hợp có thể biết.

Sau là trong một kệ cùng kết luận, nửa kệ trước là kết luận về

trí thù thắng của Phật, nửa kệ sau là kết luận về pháp thù thắng trước đây.

Thứ sáu, thường thường quán sát về Sự-Lý mà không có gì phân biệt, cho nên gọi là Tinh Tiến Lâm. Mười kệ tổng quát ca ngợi về trí soi chiếu không có sai biệt của Phật: Một kệ đầu là tổng quát, chín kệ còn lại là riêng biệt.

Trong kệ trước là tánh-tướng của các pháp không có nghĩa sai biệt, chỉ riêng Phật có năng lực nhận biết, nhưng nhận biết đầy đủ tường tận ngọn nguồn gọi là nhận biết phân biệt, câu tiếp là nhận biết đầy đủ, câu sau cuối là nhận biết sâu xa.

Trong chín kệ riêng biệt đều trước là dụ, sau là pháp:

1) Dụ về chân-vọng đan xen đến cùng, nghĩa là dựa vào chân khởi vọng, như vàng hiện rõ màu sắc. Không phải pháp là vọng dụ cho màu sắc của vàng, không có Thể tức là chân, cho nên tánh không có sai khác. Lại chân tâm tùy duyên là pháp-không phải pháp, tâm Thể không khác cho nên tánh không có sai khác. Vì vậy kinh Lăng Già nói: “Như Lai Tạng làm nhân thiện-bất thiện.” Lại kinh Niết Bàn nói: “Cùng với bất thiện đều gọi là Vô minh, cùng với pháp thiện đều nói là Minh, Minh và Vô minh tánh ấy không hai, tánh không hai tức là thật tánh.” Là nói đến nghĩa này. Lại phẩm Bất Nhị Pháp Môn trong kinh Duy Ma đều là nghĩa này.

2) Dụ về cả hai đều không có thật, nghĩa là chúng sinh dựa theo Chánh báo bên trong (nội báo) dụ cho pháp, không phải là chúng sinh dựa theo Y báo bên ngoài (ngoại khí) dụ cho không phải pháp, đều không có tánh nhất định, cả hai đều không có. Lại giải thích: Bởi vì chúng sinh tức là Vô ngã, cho nên chúng sinh không thật; Vô ngã không trở ngại chúng sinh, cho nên không phải là chúng sinh cũng không thật, lý-sự làm mất lẫn nhau cho nên đều không thật. Kinh nói: “Đối với Ngã-Vô ngã không hai là nghĩa về Vô ngã, lại bởi vì chúng sinh tức là không phải cho nên không phải tướng cũng lìa xa, do đó đều không thật. Pháp-hợp có thể biết.

3) Dụ về sinh không có tướng diệt, nghĩa là pháp sinh tức là không có sinh, giống như không có tướng diệt. Lại ngay nơi tướng vị lai này tức là không có, giống như vị lai không có tướng quá khứ.

4) Dụ về diệt không có tướng sinh, nghĩa là pháp sinh tức là không sinh, giống như pháp đã diệt. Lại pháp quá khứ tức là không có quá khứ, giống như không có hiện tại-vị lai.

5) Dụ về Thể của pháp lìa xa giữ lấy, nghĩa là Niết-bàn lìa xa

tướng cho nên không thể nào giữ lấy, dựa theo nơi diệt hết báo chướng phiền não nói là còn lại-không còn lại, mà thật thì lý về diệt không có gì sai biệt.

6) Dụ về tánh không có sai biệt, nghĩa là kể ra pháp không khác, pháp cùng là tánh trống rỗng.

7) Dụ về tùy duyên thành ra khác nhau, nghĩa là lấy số mười làm căn bản, tăng lên đến nhiều lần mười, trí tuệ ở trong đó dấy lên hiểu như trăm-ngàn..., cho nên nói là sai biệt, nhưng đối với số ấy đều là những số mười, vì vậy nói đều là số căn bản. Ví như chân lý ấy tùy duyên thành ra khác nhau, câu tìm pháp khác nhau ấy không khác nhau mà hoàn toàn chân, lược qua không có pháp-hợp.

8) Dụ về Thế cứng không hủy hoại, nghĩa là tuy cùng hữu vi mà luôn luôn trong suốt.

9) Dụ về chấp khác nhau trái với giống nhau, có thể biết.

Thứ bảy, thông hiểu về thế gian Không gọi là Lực Thành Tự Tại Lâm, ý kệ trình bày về thông hiểu nhiễm-tịnh Không, hiển bày cang nguyện về Chân Phật. Mười kệ phân hai: Chín kệ trước là thông hiểu về cảnh, một kệ sau là thành tựu hạnh.

Trong chín kệ trước: Sáu kệ đầu dựa theo tánh Duyên khởi để hiển bày về Vô sinh, ba kệ sau dựa theo tánh Sở chấp để hiển bày về Vô tướng.

Trong sáu kệ đầu có hai: Bốn kệ trước hiển bày về pháp thế gian Vô sinh, hai kệ sau tương tự hiển bày về pháp xuất thế.

Trong bốn kệ trước: Hai kệ đầu là Sinh Không, hai kệ sau là Pháp Không.

Trong hai kệ đầu: Trước là một kệ rưới suy ra ngọn quy về gốc; nửa kệ sau lấy gốc để hiển bày ngọn, nghĩa là tâm tùy theo huân tập biến đổi mà làm chúng sinh, tâm đã như huyễn không thật, thì tâm chúng sinh lẽ nào có thể có thật?

Trong hai kệ sau: Đầu là bởi vì không biết thế gian hư giả, cho nên lại tiếp tục xoay vòng ở trong thế gian trống rỗng; sau là bởi vì không biết thế gian khổ đau, cho nên lại thường lưu chuyển ở trong thế gian khổ đau. Trong này, thế gian không phải là mình làm ra, không phải là người khác làm ra, có bốn lớp: Dựa theo ngoại đạo v.v...

Trong hai kệ sau tương tự hiển bày về pháp xuất thế: Kệ đầu là nêu ra, nghĩa là ngược lại với thế gian này gọi là xuất thế gian; thế gian đã trống rỗng, lẽ nào có xuất thế gian mà có thể giữ lấy hay sao? Vì vậy nói là cả hai đều không phải chân thật. Nửa kệ trước là lý chân thật,

nửa kệ sau là tình hư vọng. Kệ sau là giải thích: Ba câu đầu giải thích để hiển bày về thế gian trống rỗng, câu sau không có thế gian để so sánh, cho nên xuất thế gian cũng không chân thật. Lại dựa theo văn này, chỉ ngăn chặn thế gian mà gọi là xuất thế gian, không biểu thị điều gì khác, cho nên cũng không trống rỗng.

Trong ba kệ sau dựa theo tánh Sở chấp để hiển bày về Vô tướng, cũng có hai: Đầu là hai kệ về thế gian trống rỗng, sau là một kệ tướng tự xuất thế gian. Trong hai kệ trước, một kệ đầu là nêu ra tình, một kệ sau là hiển bày lý. Trong kệ đầu, câu trước là nêu ra Thể, câu tiếp là nêu ra Tướng, hai câu sau là trình bày về sai lầm mê muội của phàm phu. Trong kệ sau, nửa kệ trước trình bày về tình chấp không có, nửa kệ sau trình bày về lý tánh hiện rõ. Trong kệ sau là tướng tự xuất thế gian, Phật và pháp là xuất thế gian, đều dựa theo tình chấp, cả hai không hề vốn có.

Một kệ sau cuối trình bày về thành tựu hạnh, nửa kệ trước là diệt vọng thấy chân, nửa kệ sau trình bày về Pháp Phật thường hiện rõ.

Thứ tám, chiếu rọi Pháp thân Phật gọi là Kiên Cố Lâm, ca ngợi về Thể vắng lặng của Pháp thân Phật. Mười kệ phân hai: Bảy kệ đầu hiển bày pháp, ba kệ sau thành tựu quán.

Trong bảy kệ đầu: Hai kệ trước nêu ra hai Chương về năng-sở, kệ trước là hiển bày về Thể vắng lặng đã ca ngợi, nghĩa là đất sinh ra cỏ cây, nhưng ở trong đất tìm hạt giống của cỏ cây thật sự không thể có được, dù cho Phật ứng với cơ hiện bày có sai biệt, đối với Phật cầu tìm ý khác thì không thể có được, cho nên văn sau nói vô lượng thân không phải là Phật...; kệ sau hiển bày về chủ động ca ngợi bình đẳng, có thể thấy. Năm kệ sau trong giải thích rộng ra: Trước là ba kệ giải thích về chủ động ca ngợi Không trước đây, kệ một trình bày về nghiệp không phải là có, kệ hai bởi vì nghiệp giống như thân cho nên thân cũng không phải là có, kệ ba bởi vì nghiệp-thân giống như Thức cho nên Thức cũng không phải là có. Sau là hai kệ giải thích trong không phải là có đã ca ngợi trước đây, kệ đầu trình bày về Đại Dụng ứng với cơ, kệ sau trình bày về Thể không phải là bao nhiêu.

Trong ba kệ sau trình bày về lợi ích của hành, kệ một là lợi ích về chứng được thấy Pháp thân, kệ hai là phá tướng quy về chân, kệ ba là chứng thật sự lìa xa tướng.

Thứ chín, do quán sát về tâm Chân như, cho nên gọi là Như Lai Lâm. Mười kệ phân hai: Sáu kệ đầu trình bày về tâm làm ra phàm, bốn kệ sau trình bày về tâm sinh khởi Thánh.

Trong sáu kệ đầu: Bốn kệ rưỡi trước là nêu ra dụ, một kệ rưỡi sau là pháp-hợp. Trong phần trước: Hai kệ đầu là dụ về thợ vẽ họa ra bức tranh, dụ cho pháp hư vọng dựa vào chân thật; tiếp hai kệ trình bày dụ về tâm vẽ họa ra bức tranh, dụ cho vọng dựa vào tâm; nửa kệ sau trình bày dụ về thợ vẽ không biết tâm vẽ, dụ cho duyên khởi không có nhận biết. Trong này ý nói: Tất cả chúng sinh đều dựa vào duyên khởi chân thật, tâm của Thức vốn có tùy theo sự huân tập của Danh ngôn-Hữu chi-Ngã kiến..., có thân của sáu nẻo hiện bày, duyên khởi hư giả không ngăn ngại, không có gì không hủy hoại quả báo của chúng sinh(hữu), cho nên hội tụ thâm nhiếp vào hai môn ấy. Nếu hội tụ duyên thuận theo thật thì tướng sai biệt không còn, chỉ là một Chân như. Nếu thâm nhiếp ngọn quy về gốc thì hình thể sai khác trong sáu nẻo, chỉ do tâm mà chuyển. Dựa theo môn đầu thì duyên khởi không tồn tại, vốn là Chân như môn; dựa theo môn sau thì duyên khởi không hủy hoại, vốn là Sinh diệt môn. Vì vậy tồn tại và hủy hoại không hai mà chỉ một duyên khởi, hai môn vô ngại vốn chỉ là một tâm. Luận Khởi Tín nói: “Dựa vào pháp một tâm có hai loại môn, một là tâm chân như môn, hai là tâm sinh diệt môn, nhưng hai môn này đều tự nhiên thâm nhiếp tổng quát tất cả các pháp.” Là nói đến nghĩa này. Nay trong văn này, họa ra cũng có hai nghĩa: Một là dựa vào vách tường vốn chỉ có bằng phẳng, hai là dựa vào tâm khéo léo của thợ vẽ cho nên tựa như có cao thấp.

Hai kệ đầu trình bày về môn thứ nhất: Kệ đầu, nửa kệ trước dụ cho tùy theo huân tập khắp nơi khác nhau, câu tiếp hiển bày khác nhau do vọng tình, câu cuối là tướng không còn giống như chân, bốn Đại dụ cho chân tâm, sắc màu dụ cho tướng hư giả của duyên khởi. Kệ sau, nửa kệ trước trình bày về chân-vọng không ngay trong nhau, câu trước trình bày dụ về chủ động tạo ra không phải là thụ động tạo ra, thâm nhiếp chân của vọng không ngay trong vọng, bởi vì tánh chân thật, câu sau trình bày dụ về thụ động tạo ra không phải là chủ động tạo ra, dựa vào vọng của chân không ngay trong chân, bởi vì tánh hư giả; nửa kệ sau trình bày về vọng không lìa xa chân, nghĩa là bởi vì hư giả xuyên suốt chân, hư giả không còn thì chân hiện bày, cho nên nói là không lìa xa. Vì thế cho nên không lìa xa, không khác nhau, không ngay trong nhau, suy nghĩ điều này!

Hai kệ tiếp trình bày về hình vẽ dựa vào tâm vẽ dụ cho Sinh diệt môn, tâm thợ vẽ này dụ cho tâm chủ động biến hiện như Thức vốn có..., màu vẽ dụ cho báo thụ động biến hiện của thân năm Uẩn. Kệ đầu, nửa kệ trước trình bày về chủ động-thụ động không ngay trong nhau; nửa

kệ sau hiển bày về gốc-ngọn không rời xa nhau, nghĩa là bởi vì tâm gốc-hình ngọn cho nên không ngay trong nhau, tâm biến hiện làm báo cho nên không rời xa nhau. Đây là trình bày về tâm chủ động biến hiện cảnh, Thể của không phải là cảnh; cảnh từ tâm biến hiện, tướng của cảnh không phải là tâm; từ nơi tâm biến hiện, cho nên cảnh không rời xa tâm; chủ động biến hiện cảnh, cho nên tâm không rời xa cảnh; vì vậy tuy không ngay trong nhau-không rời xa nhau, mà chủ yếu chỉ là Thức chứ không phải là chỉ riêng cảnh.

Hỏi: Kệ trước chỉ trình bày về màu sắc không rời xa bốn Đại, không trình bày về bốn Đại không rời xa màu sắc, vì sao cùng với kệ này không giống nhau?

Đáp: Kệ trước trình bày về chân không biến thành vọng, kệ này hiển bày về tâm biến hiện cảnh, cho nên không giống nhau.

Kệ sau, nửa kệ trước trình bày về tâm khéo léo của thợ vẽ dụ cho Thức chủ động biến hiện, không có dừng lại làm căn bản cho nên khó suy nghĩ; nửa kệ sau hiển bày về màu vẽ thụ động hiện ra dụ cho tướng thụ động biến hiện, đều từ nơi tâm hiện ra không có Thể để có thể nhận biết lẫn nhau.

Sau là nửa kệ về thợ vẽ không nhận biết hình vẽ này đều từ nơi tâm hiện ra, dụ cho các chúng sinh mê muội tâm lượng của mình.

Một kệ rưỡi sau cuối là pháp-hợp có thể biết.

Thứ hai là trong bốn kệ sau trình bày về tâm khởi Phật. Như tâm, Phật cũng như vậy, lấy phàm giống như Phật, như tâm tạo phàm, làm Phật cũng như vậy, đều từ nơi tâm khởi lên; như Phật, chúng sinh cũng như vậy, lấy Phật giống như phàm. Hai câu sau cuối hợp lại để hiển bày về giống nhau, nghĩa là tâm làm Phật, tâm-Phật không có gì sai khác; tâm làm phàm phu, tâm-phàm không có gì sai khác, chủ động-thụ động nương tựa giống nhau cho nên nói là không có gì sai khác. Lại giải thích: Đây là trong phần thứ hai kết luận khuyến khích tu học. Một kệ đầu dung hòa kết hợp gốc-ngọn, gốc-ngọn có ba: 1) Chỉ riêng gốc, đó là chân lý, bởi vì dựa vào tánh thanh tịnh của Bốn giác gọi là Phật; 2) Chỉ riêng ngọn, đó là chúng sinh thụ động biến hiện; 3) Cả hai, đó là tâm chủ động biến hiện, bởi vì dựa vào chân có thể biến hiện. Ba duyên khởi này dung thông vô ngại, tùy theo một loại thâu nhiếp đầy đủ hai loại còn lại, tánh không khác nhau cho nên nói là không có gì sai biệt. Một kệ tiếp là nêu ra lợi ích để khuyến khích tu tập, nửa kệ trước trình bày về Phật đã biết, nêu ra bậc trên để khuyến khích hạng dưới, câu tiếp là khuyến khích hạng dưới giống như bậc trên, câu sau cuối là kết

luận trình bày về lợi ích của nhận biết. Một kệ tiếp là trình bày về thân-tâm không ngay trong nhau-không rời xa nhau, nửa kệ trước là thân-tâm khác nhau cho nên không ngay trong nhau, nửa kệ sau là dựa vào tâm hiện rõ thân cho nên không rời xa nhau. Một kệ sau cuối là khuyến khích tu tập, nửa kệ trước là nêu ra sự mong cầu, nửa kệ sau là khuyến khích dựa vào lý quán, nghĩa là hiểu được tâm này tiến vào thật tức là Như Lai, ngược lại với điều này vốn là mất đi. Lại giải thích: Cũng vốn là tâm biến thành tướng Phật mà hiện rõ ra.

Thứ mười, biết Thể-Dụng sâu rộng của Phật, cho nên gọi là Trí Lâm. Mười kệ phân ba: Ba kệ đầu ca ngợi về Pháp thân Phật lia tướng, một kệ tiếp trình bày về chủ động ca ngợi Phật đạt được Đại công đức, sáu kệ sau ca ngợi về sắc-thanh ứng hiện của Phật.

Trong ba kệ: Một kệ đầu trình bày về lia xa tướng của sáu trần, câu đầu lia xa ba trần Hương-Vị-Xúc cho nên nói là không thể giữ lấy, câu tiếp là lia xa Sắc trần, câu tiếp là lia xa Thanh trần, câu sau cuối là lia xa Pháp trần. Một kệ tiếp là lia xa tướng Lượng-Vô lượng, Vô lượng là nhiều, Hữu lượng là ít, đều là vọng chấp, đều không thể giữ lấy. Một kệ tiếp là lia xa tướng ngôn thuyết, có hai nghĩa: Một là như tám thời không nên nói mà nói, cho nên mình và người không có lợi ích; hai là không biết Pháp thân không phải là cảnh của ngôn thuyết, mà lại cho rằng như lời nói để nói cho người khác thì rơi vào có-không có. Bởi vì bốn loại bài báng..., cho nên lừa dối mình và người, chính là năm loại sai lầm như tùy theo tiếng giữ lấy nghĩa ở văn sau. Hai kệ trước trình bày về tâm hành xứ diệt của Pháp thân, kệ này trình bày về ngôn ngữ lộ tuyệt cho nên không thể nghĩ bàn.

Thứ hai là một kệ trình bày về ca ngợi công đức mà Phật đã đạt được, có thể biết.

Thứ ba là ca ngợi về đức ứng hiện của Phật. Sáu kệ phân hai: Ba kệ đầu trình bày về tướng thân của Phật, nghĩa là không có thân mà hiện thân, thân tức là không có thân. Ba kệ sau trình bày về tướng ngữ của Phật, nghĩa là không có thanh mà hiện thanh, thanh tức là không có thanh.

Trong ba kệ đầu: Kệ một dụ về thân đã hiện bày không phải là chân thật, nghĩa là như ngọc châu như ý dùng áo vàng soi vào thì trở thành màu vàng. Điều này có hai nghĩa: Một, ngọc châu không phải là màu vàng mà hiện ra màu vàng; hai, màu vàng đã hiện ra không phải là thật sự màu vàng, thân Phật cũng như vậy, cơ soi vào mà hiện ra. Hai nghĩa cùng dụ, cho nên câu sau hợp lại nói là Phật cũng như vậy.

Như kinh Trí Tuệ Trang Nghiêm nói rộng về dụ này, nên biết. Kệ hai dụ về chủ động hiện bày lìa xa thấy, nghĩa là dựa vào hư không hiện rõ màu sắc mà hư không không phải là có thể trông thấy, dụ cho Phật ứng với cơ hiện bày sắc, mà Phật không phải là sắc, không thể trông thấy. Kệ ba nêu ra pháp-hợp, nghĩa là Phật địa. Đại Trí có hai nghĩa: Một là nghĩa về viên minh, dụ trước hiển bày về nghĩa này; hai là nghĩa về lìa tướng, dụ sau hiển bày về nghĩa này. Đều có ứng với cơ mà hiện rõ sắc, nhưng không phải là sắc, cho nên nói là không ai có thể nhìn thấy. Dựa theo văn này, rõ ràng thân tự thọ dụng không có công đức thô thiển như Sắc... Như trong Phật Địa luận nói v.v...

Trong ba kệ sau trình bày về ngôn thanh của Phật: Một kệ đầu trình bày không phải là thanh-không phải là không thanh, đều là nửa kệ hiển bày, bởi vì dựa vào giải thích để hiểu về thật, cho nên nói là lìa xa thanh thì không nhận biết. Một kệ tiếp là ca ngợi sâu xa khuyến khích tu học, lợi ích của hưởng đến chân thật trang nghiêm cho đạo Vô thượng, lợi ích của rời bỏ không thật lìa xa các pháp hư vọng. Một kệ sau trình bày không phải là thuyết giảng-không phải là không thuyết giảng, đều là nửa kệ hiển bày, có thể biết. Cũng là trong Phật Địa luận trình bày về không có thuyết giảng mà thuyết giảng thuộc về cơ duyên.
